BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI

Số: 920/QĐ-ĐHCN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 29 tháng 5 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

V/v Công nhận kết quả thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ Đợt 1 năm 2014

CHỦ TỊCH HĐTS ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NĂM 2014
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI

Căn cứ Quyết định số 4168/QĐ-BCN ngày 22 tháng 12 năm 2005 của Bộ Trưởng Bộ Công nghiệp về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội;

Căn cứ Thông tư số 10/2011/TT-BGD&ĐT ngày 28/02/2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 2287/QĐ-ĐHCN ngày 12 tháng 12 năm 2012 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội về việc Ban hành Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ tại Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 2236/QĐ-ĐHCN ngày 11/12/2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội về việc thành lập Hội đồng tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ năm 2014;

Căn cứ kết quả thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ Đợt 1 năm 2014, ngày thi 10-11 tháng 5 năm 2014;

Xét đề nghị của ông Ủy viên thường trực Hội đồng tuyển sinh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ Đợt 1 năm 2014 của Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội, gồm 158 thí sinh. *(Có danh sách kèm theo);*

Điều 2. Các Ông (Bà) Giám đốc Trung tâm đào tạo Sau đại học, Trưởng các đơn vị liên quan và thí sinh có tên trong Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 2;
- Bộ GD&ĐT (để b/c);
- Lưu: VT, SĐH.

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
CHỦ TỊCH

BỘ CÔNG THƯƠNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI

HIỆU TRƯỞNG
TS. Trần Đức Quý

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI
BIỂU SỐ 07/SĐH

SỔ ĐIỂM TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

Đợt 1 năm 2014 Ngày thi 10-11/5/2014

TT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu		Điểm TA	ĐM1	ĐM2	Đtc	Ghi chú	KQ
1	H01.1	Nguyễn Tuấn	Anh	07/10/90		Hà nội	Huyện Từ Liêm	75,00	5,00	5,50	10.50		
2	H01.2	Nguyễn Văn	Chiến	09/05/89		Thanh Hoá	Thành phố Thanh Hoá	54,00	5,00	5,00	10.00		
3	H01.3	Lê Sơn	Cường	10/12/82		Hà nội	Huyện Từ Liêm	60,00	5,00	5,00	10.00		
4	H01.4	Đỗ Thành	Đạt	25/07/91		Hà nội (Hà tây cũ)	Huyện Quốc Oai	62,00	5,25	5,00	10.25		
5	H01.6	Nguyễn Văn	Hiên	04/05/89		Hưng Yên	Huyện Phù Cừ	62,00	7,00	5,00	12.00		
6	H01.7	Đặng Đình	Hiếu	11/03/84		Hà nội (Hà tây cũ)	Huyện Chương Mỹ	53,00	6,00	5,00	11.00		
7	H01.8	Ngô Đình	Hiển	10/09/90		Thái Nguyên	Huyện Phú Lương	60,00	5,75	5,00	10.75		
8	H01.9	Nguyễn Trọng	Kiên	17/11/84		Thái Bình	Huyện Đông Hưng	75,00	6,00	5,25	11.25		
9	H01.10	Nguyễn Văn	Lâm	20/07/89		Hà nội	Quận Đống Đa	75,00	6,75	5,50	12.25		
10	H01.11	Vũ Văn	Linh	24/10/86		Hà nội	Huyện Đông Anh	72,00	6,25	5,00	11.25		
11	H01.12	Nguyễn Thanh	Thủy	22/12/83		Hà nội	Huyện Sóc Sơn	57,00	6,00	5,75	11.75		
12	H01.13	Lê Anh	Tú	01/06/87		Phú Thọ	Huyện Thanh Sơn	66,00	6,00	5,00	11.00		
13	H03.14	Nguyễn Thế	Anh	04/03/88		Nghệ An	Thành phố Vinh	52,00	5,00	6,50	11.50		
14	H03.15	Đỗ Đức	Anh	06/09/89		Hà nội (Hà tây cũ)	Huyện Ba Vì	34,00	5,00	7,00	12.00		
15	H03.16	Nguyễn Huy	Chiến	13/02/84		Hà nội (Hà tây cũ)	Huyện Ba Vì	52,00	5,50	8,50	14.00		
16	H03.17	Nguyễn Công	Chương	18/08/85		Nghệ An	Huyện Quỳnh Lưu	51,00	5,50	6,50	12.00		
17	H03.18	Phạm Văn	Cường	10/04/86		Hải Phòng	Huyện Kiến Thụy	0,00	2,25	0,00	2.25		
18	H03.19	Vũ Quỳnh	Điệp	23/09/85		Tuyên Quang	Huyện Yên Sơn	50,00	6,00	6,75	12.75		
19	H03.20	Trần Minh	Đức	28/09/82		Hà nội (Hà tây cũ)	Huyện Ba Vì	53,00	5,00	7,75	12.75		
20	H03.21	Tạ Văn	Đức	01/06/78		Thái Bình	Huyện Kiến Xương	51,00	5,00	6,75	11.75		
21	H03.22	Khương Mạnh	Hà	20/03/90		Hà Giang	Thị xã Hà Giang	50,00	5,00	7,00	12.00		
22	H03.23	Trần Duy	Hiếu	25/09/83		Phú Thọ	Huyện Tam Nông	50,00	5,00	7,25	12.25		
23	H03.24	Nguyễn Minh	Hiệp	31/05/85		Hà nội	Huyện Sóc Sơn	50,00	5,00	6,50	11.50		
24	H03.25	Nguyễn Xuân	Hùng	10/07/82		Lạng Sơn	Huyện Hữu Lũng	57,00	5,00	7,25	12.25		
25	H03.27	Trần Phạm Kim	Ngân	25/12/89	Nữ	Thái Nguyên	TP.Thái Nguyên	55,00	5,00	7,50	12.50		
26	H03.28	Nguyễn Thanh	Ngư	02/09/84		Hà nội	Huyện Sóc Sơn	53,00	5,00	6,50	11.50		

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI
BIỂU SỐ 07/SĐH

SỔ ĐIỂM TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

Đợt 1 năm 2014 Ngày thi 10-11/5/2014

TT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu		Điểm TA	ĐM1	ĐM2	Đtc	Ghi chú	KQ
27	H03.29	Trần Vũ	Sơn	17/06/83		Nghệ An	Huyện Yên Thành	50,00	5,50	7,50	13.00		
28	H03.30	Nguyễn Tiến	Sơn	25/07/89		Hà nội (Hà tây cũ)	Huyện Mỹ Đức	52,00	2,00	6,25	8.25		
29	H03.31	Đào Quyết	Thắng	05/10/77		Yên Bái	Thành phố Yên Bái	51,00	3,00	5,00	8.00		
30	H03.32	Hoàng Văn	Thụ	03/03/89		Nghệ An	Huyện Tân Kỳ	56,00	5,50	6,25	11.75		
31	H03.33	Nguyễn Anh	Tuấn	08/03/87		Nam Định	Huyện Nghĩa Hưng	55,00	5,75	6,50	12.25		
32	H03.34	Đàm Quốc	Tuấn	04/10/74		Hà Giang	Thị xã Hà Giang	52,00	5,00	6,50	11.50		
33	H03.35	Vũ Văn	Tuấn	29/11/80		Bắc Ninh	Huyện Thuận Thành	54,00	5,25	6,50	11.75		
34	H05.36	Nguyễn Công	Duy	19/08/91		Bắc Ninh	Huyện Yên Phong	0,00	1,00	0,00	1.00		
35	H05.37	Nguyễn Văn	Hiệp	01/01/90		Hà Nam	Huyện Kim Bảng	52,00	5,00	8,00	13.00		
36	H05.38	Đỗ Xuân	Hùng	07/12/81		Hà nội (Hà tây cũ)	Quận Hà Đông	57,00	5,00	5,75	10.75		
37	H05.39	Nguyễn Đăng	Kiên	27/12/89		Hà nội (Hà tây cũ)	Huyện Hoài Đức	56,00	5,00	6,50	11.50		
38	H05.40	Lê Thanh	Lâm	17/01/86		Vĩnh Phúc	Thị xã Phúc Yên	60,00	6,25	7,75	14.00		
39	H05.41	Đinh Tiến	Nam	17/06/91		Hoà Bình	Huyện Kỳ Sơn	54,00	5,00	7,00	12.00		
40	H05.42	Nguyễn Minh	Phú	21/02/88		Bắc Giang	Thành phố Bắc Giang	50,00	1,75	6,75	8.50		
41	H05.43	Tạ Bá	Thiết	20/08/79		Hà nội	Quận Hoàng Mai	56,00	5,00	6,75	11.75		
42	H05.44	Lương Trọng	Trường	12/01/83		Thái Bình	Thành phố Thái Bình	63,00	5,00	7,00	12.00		
43	H05.45	Hoàng Minh	Tùng	26/03/74		Hà nội	Quận Hai Bà Trưng	75,00	7,50	7,25	14.75		
44	H07.47	Nguyễn Thị	Anh	08/01/87	Nữ	Thái Bình	Huyện Quỳnh Phụ	78,00	5,50	5,75	11.25		
45	H07.48	Nguyễn Thị Vân	Anh	15/01/84	Nữ	Bắc Ninh	Huyện Yên Phong	67,00	5,50	5,50	11.00		
46	H07.49	Vũ Thị Thanh	Bình	08/06/81	Nữ	Hà nội	Huyện Từ Liêm	81,00	5,00	5,00	10.00		
47	H07.50	Lê Thị	Bình	10/06/90	Nữ	Nghệ An	Huyện Quỳ Hợp	80,00	6,75	5,50	12.25		
48	H07.51	Bùi Thị Ngọc	Châu	08/01/86	Nữ	Hải Phòng	Quận Lê Chân	64,00	5,00	3,50	8.50		
49	H07.52	Nguyễn Tùng	Chi	10/11/91	Nữ	Thái Nguyên	TP.Thái Nguyên	73,00	4,00	5,00	9.00		
50	H07.53	Hoàng Anh	Chiến	04/12/83		Hà nội (Hà tây cũ)	Huyện Chương Mỹ	66,00	4,00	6,25	10.25		
51	H07.54	Phan Thị Tuyết	Chinh	09/10/84	Nữ	Tuyên Quang	Huyện Hàm Yên	80,00	5,50	2,75	8.25		
52	H07.55	Dương Thị	Chinh	16/10/91	Nữ	Hưng Yên	Huyện Văn Lâm	78,00	5,00	5,00	10.00		

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI
BIỂU SỐ 07/SĐH

SỔ ĐIỂM TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

Đợt 1 năm 2014 Ngày thi 10-11/5/2014

TT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu		Điểm TA	ĐM1	ĐM2	Đtc	Ghi chú	KQ
53	H07.56	Lê Quốc	Chính	19/08/83		Hà nội (Hà tây cũ)	Huyện Thạch Thất	76,00	7,75	6,00	13.75		
54	H07.57	Nguyễn Bá	Công	01/08/90		Thanh Hoá	Thành phố Thanh Hoá	72,00	5,00	3,25	8.25		
55	H07.58	Nguyễn Cao	Cường	13/05/84		Hà nội	Quận Hoàn Kiếm	71,00	2,00	2,25	4.25		
56	H07.59	Ngô Quang	Cường	21/10/83		Bắc Cạn	Thị xã Bắc Kạn	63,00	3,00	5,75	8.75		
57	H07.60	Phạm Thị Thúy	Dung	22/12/89	Nữ	Nghệ An	Thành phố Vinh	55,00	3,75	6,75	10.50		
58	H07.61	Trịnh Thị Kim	Dung	16/02/84	Nữ	Hà nội (Hà tây cũ)	Huyện Mỹ Đức	53,00	5,75	6,50	12.25		
59	H07.62	Võ Thị Kim	Dung	18/05/74	Nữ	Hà nội	Quận Ba Đình	68,00	6,00	5,00	11.00		
60	H07.63	Nguyễn Văn	Dũng	15/03/79		Hà nội (Hà tây cũ)	Huyện Hoài Đức	62,00	5,75	5,00	10.75		
61	H07.65	Nguyễn Bá	Đức	03/01/81		Hà nội (Hà tây cũ)	Huyện Đan Phượng	56,00	2,50	5,25	7.75		
62	H07.66	Vũ Thị Châu	Giang	10/09/89	Nữ	Hải Phòng	Quận Ngô Quyền	63,00	6,00	6,50	12.50		
63	H07.67	Trần Thị Thu	Hà	19/11/88	Nữ	Vĩnh Phúc	Thị xã Phúc Yên	55,00	6,50	6,50	13.00		
64	H07.69	Trần Thúy	Hà	11/10/84	Nữ	Hà nội (Hà tây cũ)	Huyện ứng Hoà	57,00	5,75	7,00	12.75		
65	H07.70	Nguyễn Thị Hương	Hà	26/04/90	Nữ	Hà Nam	Huyện Thanh Liêm	45,00	5,00	1,25	6.25		
66	H07.71	Nguyễn Thanh	Hải	09/01/87		Hà nội	Huyện Từ Liêm	58,00	5,75	5,50	11.25		
67	H07.72	Đỗ Thị Bích	Hạnh	07/07/86	Nữ	Hà nội	Huyện Từ Liêm	55,00	5,75	7,25	13.00		
68	H07.73	Nguyễn Thị	Hạnh	30/07/84	Nữ	Hà nội (Hà tây cũ)	Huyện Thạch Thất	0,00	2,75	0,00	2.75		
69	H07.76	Đỗ Thị Thu	Hằng	18/09/86	Nữ	Hà nội (Hà tây cũ)	Huyện Chương Mỹ	52,00	5,00	6,25	11.25		
70	H07.77	Trần Thị	Hằng	30/04/78	Nữ	Ninh Bình	Huyện Kim Sơn	64,00	5,00	5,25	10.25		
71	H07.79	Trần Thị Thu	Hằng	06/11/87	Nữ	Hà nội (Hà tây cũ)	Huyện Phúc Thọ	66,00	6,50	7,00	13.50		
72	H07.80	Trần Thu	Hằng	19/06/88	Nữ	Ninh Bình	Huyện Gia Viễn	66,00	6,50	7,75	14.25		
73	H07.81	Phạm Thị	Hiên	08/03/82	Nữ	Hà nội	Huyện Thanh Trì	53,00	5,00	5,00	10.00		
74	H07.82	Lê Thị	Hiền	30/11/83	Nữ	Bắc Ninh	Thị xã Từ Sơn	55,00	6,50	8,00	14.50		
75	H07.83	Nguyễn Kiều	Hoa	24/11/89	Nữ	Hà nội (Hà tây cũ)	Huyện Quốc Oai	54,00	5,25	7,00	12.25		
76	H07.84	Hoàng Thị Thanh	Hoa	12/08/79	Nữ	Hà nội (Hà tây cũ)	Huyện Hoài Đức	51,00	6,75	5,50	12.25		
77	H07.85	Nguyễn Thị Minh	Hoàn	30/06/83	Nữ	Phú Thọ	TP. Việt Trì	57,00	5,00	6,75	11.75		
78	H07.86	Mai Thị Kim	Hoàng	16/10/79	Nữ	Hà nội (Hà tây cũ)	Huyện Phú Xuyên	59,00	5,00	7,75	12.75		

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI
BIỂU SỐ 07/SĐH

SỔ ĐIỂM TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

Đợt 1 năm 2014 Ngày thi 10-11/5/2014

TT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu		Điểm TA	ĐM1	ĐM2	Đtc	Ghi chú	KQ
79	H07.87	Vũ Thị	Hòa	27/07/90	Nữ	Phú Thọ	Huyện Thanh Ba	65,00	8,50	8,00	16.50		
80	H07.88	Võ Thị	Hồng	28/04/83	Nữ	Hà nội	Quận Thanh Xuân	60,00	5,75	6,50	12.25		
81	H07.89	Lê Thị ánh	Hồng	01/03/88	Nữ	Hà Nam	Huyện Thanh Liêm	56,00	6,75	6,25	13.00		
82	H07.90	Lưu Thị	Huệ	05/10/91	Nữ	Bắc Ninh	Huyện Gia Bình	50,00	6,25	5,00	11.25		
83	H07.91	Lê Thị Hồng	Huệ	24/10/74	Nữ	Hà nội	Quận Ba Đình	65,00	6,75	6,50	13.25		
84	H07.93	Nguyễn Mạnh	Hùng	30/08/88		Hà nội (Hà tây cũ)	Quận Hà Đông	58,00	5,00	5,75	10.75		
85	H07.94	Đinh Văn	Hưng	30/04/74		Ninh Bình	Huyện Gia Viễn	61,00	5,75	5,00	10.75		
86	H07.95	Nguyễn Thị	Hương	26/02/87	Nữ	Hà nội (Hà tây cũ)	Huyện Hoài Đức	62,00	5,00	6,25	11.25		
87	H07.96	Lê Thị	Hường	02/09/86	Nữ	Thái Bình	Thành phố Thái Bình	74,00	7,00	8,00	15.00		
88	H07.97	Nguyễn Duy	Khánh	24/12/89		Hà nội	Huyện Từ Liêm	46,00	7,50	5,50	13.00		
89	H07.98	Đinh Đức	Kiên	04/04/77		Hà Nam	Huyện Kim Bảng	41,00	7,00	6,75	13.75		
90	H07.99	Lê Thị Mai	Lan	05/05/86	Nữ	Phú Thọ	Thị xã Phú Thọ	58,00	7,00	6,75	13.75		
91	H07.100	Hoàng Thị	Lan	20/01/90	Nữ	Thanh Hoá	Huyện Hoằng Hoá	69,00	8,00	6,50	14.50		
92	H07.101	Lê Thị	Liên	10/04/87	Nữ	Thanh Hoá	Huyện Đông Sơn	58,00	8,00	7,50	15.50		
93	H07.102	Nguyễn Ngọc	Linh	01/11/87	Nữ	Quảng Ninh	Thành phố Hạ Long	56,00	7,75	7,50	15.25		
94	H07.103	Hoàng Thị Phương	Loan	24/08/87	Nữ	Hà nội (Hà tây cũ)	Huyện Ba Vì	60,00	7,50	6,75	14.25		
95	H07.104	Vương Văn	Lượng	01/08/89		Hà nội (Hà tây cũ)	Huyện Thạch Thất	64,00	5,50	6,50	12.00		
96	H07.106	Phạm Thị	Mai	29/08/88	Nữ	Ninh Bình	Huyện Yên Mô	68,00	5,50	8,00	13.50		
97	H07.107	Nguyễn Đức	Mạnh	03/10/83		Hà nội	Huyện Từ Liêm	66,00	5,00	7,50	12.50		
98	H07.108	Vũ Thị Bình	Minh	22/10/89	Nữ	Hà nội (Hà tây cũ)	Thị xã Sơn Tây	0,00	0,50	0,00	0.50		
99	H07.109	Nguyễn Thu	Nga	27/02/89	Nữ	Hà nội (Hà tây cũ)	Huyện Chương Mỹ	66,00	6,25	8,00	14.25		
100	H07.110	Trần Thị	Ngọc	10/08/88	Nữ	Nam Định	Huyện Xuân Trường	60,00	5,00	6,50	11.50		
101	H07.111	Nguyễn Thị Yến	Ngọc	10/03/83	Nữ	Hà nội (Hà tây cũ)	Huyện Đan Phượng	67,00	5,00	6,50	11.50		
102	H07.112	Đặng Thị	Nguyệt	18/11/87	Nữ	Thái Bình	Huyện Thái Thuỵ	61,00	8,00	7,75	15.75		
103	H07.113	Nguyễn Thị Cẩm	Nhung	04/10/76	Nữ	Hà nội	Quận Đống Đa	59,00	7,50	7,25	14.75		
104	H07.114	Nguyễn Thị Kim	Oanh	23/11/87	Nữ	Thái Bình	Huyện Quỳnh Phụ	70,00	7,00	7,50	14.50		

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI
BIỂU SỐ 07/SĐH

SỔ ĐIỂM TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

Đợt 1 năm 2014 Ngày thi 10-11/5/2014

TT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu		Điểm TA	ĐM1	ĐM2	Đtc	Ghi chú	KQ
105	H07.115	Đào Thị	Oanh	28/10/87	Nữ	Hà nội	Huyện Từ Liêm	66,00	6,00	5,75	11.75		
106	H07.116	Nguyễn Duy	Phương	03/03/87		Bắc Giang	Thành phố Bắc Giang	62,00	8,00	7,00	15.00		
107	H07.117	Đoàn Thị Hà	Phương	24/10/86	Nữ	Hà nội (Hà tây cũ)	Huyện Phúc Thọ	59,00	6,00	3,75	9.75		
108	H07.118	Tạ Thị Hoa	Phượng	24/12/83	Nữ	Hà nội	Quận Thanh Xuân	65,00	5,75	5,00	10.75		
109	H07.119	Nguyễn Thanh	Phượng	16/02/88	Nữ	Nam Định	Huyện ý Yên	67,00	6,00	6,50	12.50		
110	H07.120	Lý Trần Quốc	Quân	16/02/90		Tuyên Quang	Huyện Yên Sơn	55,00	6,00	5,00	11.00		
111	H07.121	Vũ Hồng	Quân	16/01/90		Hà nội	Huyện Từ Liêm	55,00	5,50	6,50	12.00		
112	H07.122	Đặng Thị	Tâm	08/05/83	Nữ	Hà nội	Quận Cầu Giấy	43,00	5,00	3,75	8.75		
113	H07.123	Nguyễn Thị Tuyết	Thanh	15/12/86	Nữ	Hải Phòng	Huyện An Lão	60,00	3,75	5,00	8.75		
114	H07.124	Nguyễn Thị Bích	Thảo	16/06/78	Nữ	Hưng Yên	Thị xã Hưng Yên	51,00	1,75	0,25	2.00		
115	H07.126	Hồ Thị	Thu	15/10/89	Nữ	Hưng Yên	Huyện Phù Cừ	65,00	6,75	5,50	12.25		
116	H07.127	Lưu Thị	Thu	23/08/91	Nữ	Nam Định	Huyện Nam Trực	66,00	5,50	6,25	11.75		
117	H07.128	Đào Đình	Thuấn	09/11/86		Thái Bình	Huyện Hưng Hà	51,00	5,00	5,75	10.75		
118	H07.129	Bùi Thị	Thuy	24/05/84	Nữ	Hải Phòng	Huyện An Dương	62,00	7,75	8,50	16.25		
119	H07.130	Trịnh Thị	Thuyên	20/01/81	Nữ	Bắc Ninh	Huyện Gia Bình	61,00	5,00	6,75	11.75		
120	H07.131	Nguyễn Thị	Thùy	05/04/90	Nữ	Bắc Ninh	Huyện Gia Bình	65,00	5,00	5,00	10.00		
121	H07.132	Nguyễn Phương	Thủy	30/10/86	Nữ	Hà nội	Quận Tây Hồ	64,00	5,50	5,00	10.50		
122	H07.133	Phạm Thanh	Thủy	06/04/83	Nữ	Hải Dương	Thành phố Hải Dương	59,00	6,00	5,00	11.00		
123	H07.134	Đặng Thị	Thủy	12/10/90	Nữ	Hà nội	Huyện Gia Lâm	67,00	6,00	5,25	11.25		
124	H07.135	An Thị	Thư	02/12/80	Nữ	Thái Nguyên	TP.Thái Nguyên	78,00	7,00	6,75	13.75		
125	H07.136	Kiều Văn	Tiến	01/06/86		Hà nội (Hà tây cũ)	Huyện Thạch Thất	71,00	3,75	8,00	11.75		
126	H07.137	Hoàng Mạnh	Tiến	13/03/87		Hà nội	Huyện Từ Liêm	70,00	6,50	6,50	13.00		
127	H07.138	Lê Ninh	Trang	18/09/88	Nữ	Hà nội	Quận Cầu Giấy	72,00	5,50	5,75	11.25		
128	H07.139	Bùi Thị Thu	Trang	18/07/86	Nữ	Hà nội (Hà tây cũ)	Huyện Phú Xuyên	67,00	5,00	6,75	11.75		
129	H07.140	Đặng Thị Viên	Trang	27/05/91	Nữ	Hà nội	Huyện Từ Liêm	68,00	5,00	7,50	12.50		
130	H07.141	Phạm Thanh	Trà	01/12/88	Nữ	Tuyên Quang	Th. phố Tuyên Quang	64,00	6,75	7,25	14.00		

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI
BIỂU SỐ 07/SĐH

SỔ ĐIỂM TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

Đợt 1 năm 2014 Ngày thi 10-11/5/2014

TT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu		Điểm TA	ĐM1	ĐM2	Đtc	Ghi chú	KQ
131	H07.142	Phạm Văn	Tuân	04/01/66		Thái Bình	Thành phố Thái Bình	63,00	5,00	5,50	10.50		
132	H07.143	Nguyễn Mạnh	Tuấn	13/03/88		Phú Thọ	Huyện Đoan Hùng	61,00	6,00	6,25	12.25		
133	H07.144	Nguyễn Hồng	Vân	12/08/89	Nữ	Hà nội	Quận Cầu Giấy	66,00	5,25	5,25	10.50		
134	H07.145	Hoàng Thị	Vân	21/04/86	Nữ	Bắc Ninh	Huyện Quế Võ	65,00	5,00	6,50	11.50		
135	H07.146	Chu Văn	Vĩnh	05/04/87		Vĩnh Phúc	Thị xã Phúc Yên	67,00	5,00	5,25	10.25		
136	H07.147	Vũ Quốc	Vững	19/02/76		Hải Dương	Huyện Nam Sách	57,00	5,00	8,50	13.50		
137	H07.148	Hoàng Hậu Hoa	Xuân	05/02/81	Nữ	Tuyên Quang	Th. phố Tuyên Quang	57,00	3,00	3,75	6.75		
138	H07.149	Nguyễn Hải	Yến	31/12/90	Nữ	Hoà Bình	Huyện Tân Lạc	58,00	5,00	3,50	8.50		
139	H07.150	Lê Thị Ngọc	Yến	31/08/90	Nữ	Bắc Giang	Huyện Hiệp Hoà	57,00	3,75	2,25	6.00		
140	H07.151	Nguyễn Thị Hải	Yến	26/05/86	Nữ	Hà nội	Huyện Từ Liêm	59,00	5,00	3,50	8.50		
141	H12.152	Vũ Văn	Chiến	12/10/88		Nam Định	Huyện Trực Ninh	72,00	5,00	5,00	10.00		
142	H12.153	Phạm Viết	Cường	09/11/86		Hà Tĩnh	Huyện Đức Thọ	59,00	5,00	5,50	10.50		
143	H12.154	Nguyễn Thị	Hoa	24/08/77	Nữ	Hà nội (Hà tây cũ)	Quận Hà Đông	66,00	5,00	5,00	10.00		
144	H12.155	Nguyễn Văn	Hòa	10/10/86		Thanh Hoá	Huyện Hà Trung	69,00	5,00	5,00	10.00		
145	H12.156	Phan Tiến	Hưng	17/01/77		Hà nội	Huyện Đông Anh	73,00	5,00	5,00	10.00		
146	H12.157	Bùi Tuấn	Hưng	14/12/86		Hải Phòng	Quận Ngô Quyền	71,00	6,00	5,50	11.50		
147	H12.158	Nguyễn Thị Hiền	Ly	06/01/90	Nữ	Hải Dương	Huyện Cẩm Giàng	77,00	5,00	6,00	11.00		
148	H12.159	Nguyễn Khắc Hoài	Nam	22/02/86		Hà nội	Quận Ba Đình	65,00	5,25	5,00	10.25		
149	H12.160	Nguyễn Thị	Nga	24/01/89	Nữ	Hà nội (Hà tây cũ)	Huyện Hoài Đức	60,00	5,00	5,00	10.00		
150	H12.161	Nguyễn Thị	Nga	02/10/86	Nữ	Hà nội (Hà tây cũ)	Huyện Hoài Đức	73,00	5,75	6,00	11.75		
151	H12.162	Lê Thị	Ngà	25/03/90	Nữ	Hà nội (Hà tây cũ)	Huyện Thường Tín	64,00	5,00	6,00	11.00		
152	H12.163	Trần Ngọc	Sơn	26/02/76		Nghệ An	Thành phố Vinh	61,00	5,00	6,00	11.00		
153	H12.164	Lê Cao	Thế	06/02/81		Hà nội (Vĩnh Phúc cũ)	Huyện Mê Linh	59,00	5,00	5,50	10.50		
154	H12.165	Bùi Thị	Thúy	12/01/89	Nữ	Hà nội (Hà tây cũ)	Huyện Hoài Đức	53,00	5,00	5,50	10.50		
155	H12.166	Phạm Việt	Tiến	25/08/85		Phú Thọ	Huyện Đoan Hùng	59,00	5,00	5,00	10.00		
156	H12.167	Đậu Xuân	Tiến	25/08/87		Thanh Hoá	Huyện Tĩnh Gia	60,00	5,00	5,50	10.50		

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI
BIỂU SỐ 07/SĐH

SỔ ĐIỂM TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

Đợt 1 năm 2014 Ngày thi 10-11/5/2014

TT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu		Điểm TA	ĐM1	ĐM2	Đtc	Ghi chú	KQ
157	**H12.168**	Nguyễn Thị	Tuyết	12/05/88	Nữ	Hà Nam	Huyện Kim Bảng	62,00	5,00	5,50	10.50		
158	H12.169	Đặng Nhật	Tú	26/11/86		Hà nội	Huyện Đông Anh	58,00	5,00	5,50	10.50		

Tổng cộng: 158 thí sinh

Hà Nội, ngày 29 tháng 5 năm 2014

NGƯỜI LẬP BIỂU

Hoàng Văn Quang

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
CHỦ TỊCH

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI

HIỆU TRƯỞNG
TS. Trần Đức Quý